

UBND TỈNH BẮC GIANG
LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ TỈNH

BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TỈNH

Tên đề tài: Đánh giá thực trạng các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;
đề xuất giải pháp và mô hình phát triển hợp tác xã trong thời kỳ hội nhập

Chủ nhiệm đề tài: Thạc sỹ Trần Quang Hùng

Cơ quan chủ trì đề tài: Liên minh Hợp tác xã tỉnh Bắc Giang

Thời gian thực hiện: 14 tháng (từ tháng 10/2014 đến tháng 11/2015)

Bắc Giang, tháng 11 năm 2015

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phát triển KTTT có vị trí đặc biệt quan trọng trong đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta. Đồng thời, đây cũng là sự nghiệp hết sức phức tạp, khó khăn và kiên trì, là sự vận động phát triển kinh tế - xã hội đối với hàng chục triệu người lao động, những người sản xuất kinh doanh nhỏ trong mọi lĩnh vực, ngành và địa phương. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất quan tâm đến phong trào hợp tác hóa. Ngay sau khi nước ta mới giành được độc lập, Bác Hồ đã quan tâm chỉ đạo, phát triển kinh tế hợp tác, HTX.

Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách, ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về KTTT. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) với định hướng: “Kinh tế nhà nước cùng với KTTT ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân”; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, với quan điểm phát triển là: “Phát triển KTTT với nhiều hình thức hợp tác đa dạng mà nòng cốt là HTX” và định hướng: “Tạo điều kiện thuận lợi để KTTT phát triển đa dạng, mở rộng quy mô; có cơ chế, chính sách hợp lý trợ giúp các tổ chức kinh tế hợp tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, mở rộng thị trường, ứng dụng công nghệ mới, tiếp cận vốn”. Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) ban hành Nghị quyết về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT; sau tổng kết 10 năm thực hiện, Bộ Chính trị (Khóa XI) ban hành Kết luận số 56-KL/TW về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT... Thê chế hoá quan điểm, đường lối phát triển KTTT của Đảng, Luật HTX năm 1996, năm 2003 và năm 2012 đã được ra đời. Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia và Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trong đó có tiêu chí xã nông thôn mới phải có tổ hợp tác hoặc HTX hoạt động có hiệu quả.

Tỉnh Bắc Giang cũng ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về phát triển KTTT. Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT. KTTT tỉnh có chuyển biến tích cực, chất lượng và hoạt động của HTX ngày được nâng lên.

Tuy nhiên, vẫn còn những tồn tại, hạn chế: Nhiều HTX sản xuất còn mang tính chất nhỏ lẻ và chưa gắn với thị trường; lúng túng trong việc xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh. Nội lực kinh tế HTX còn yếu; cơ sở hạ tầng sản xuất, kinh doanh lạc hậu. Trình độ, năng lực tổ chức, quản lý kinh tế của đội ngũ cán bộ quản lý HTX còn nhiều yếu kém. Nguồn vốn của các HTX rất hạn chế. Nhiều HTX hoạt động hình thức, chưa chủ động phát huy nội lực để vươn lên; còn có tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

Nói một cách khái quát, hiện nay, KTTT (nòng cốt là các HTX) của tỉnh chưa thoát khỏi tình trạng yếu kém, khó khăn kéo dài, chưa phát huy được vai trò, tính ưu việt của mình trong đời sống kinh tế - xã hội, chưa thực sự trở thành “bà đỡ” cho kinh tế hộ thành viên. Nhất là khi Luật HTX năm 2012 đã có hiệu lực thi hành theo đó các HTX phải thực hiện đăng ký lại, chuyển đổi hoạt động theo luật mới.

Mặc dù đã có một số tổng kết, báo cáo về HTX trên địa bàn tỉnh, tuy nhiên cho đến nay chưa có một công trình nghiên cứu nào mang tính hệ thống và toàn diện về vấn đề này. Với những phân tích nêu trên việc nghiên cứu đề tài “Đánh giá thực trạng các HTX trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; đề xuất giải pháp và mô hình phát triển HTX trong thời kỳ hội nhập” là hết sức cần thiết và đáp ứng nhu cầu phát triển của HTX nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung.

2. Mục tiêu của đề tài

- Điều tra, đánh giá thực trạng hoạt động của các HTX trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010-2014.

- Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX trên địa bàn tỉnh Bắc Giang trong thời gian tới.

II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là hoạt động của các HTX trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Ngoài ra đề tài còn tiếp cận các đối tượng khác trong quá trình nghiên cứu như sự quan tâm của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh đến kinh tế HTX.

2. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn nơi có HTX. Đề tài xây dựng 01 mô hình HTX phát triển sản xuất trên địa bàn huyện Yên Thế (HTX Thân Trường, thôn Chẽ, xã Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang).

Về thời gian: Đề tài thực hiện 14 tháng từ tháng 10/2014 đến tháng 11/2015. Số liệu thứ cấp được thu thập từ năm 2010-2014.

Về nội dung: Nghiên cứu về thực trạng các HTX trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010-2014. Nghiên cứu đánh giá thực trạng các HTX chỉ đi sâu vào một số lĩnh vực mà đề tài đặt ra. Các phương pháp đề xuất cũng trong khuôn khổ nhiệm vụ nghiên cứu.

3. Nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu tổng quan lý luận và thực tiễn về HTX.

Điều tra, đánh giá thực trạng hoạt động của các HTX trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX trên địa bàn tỉnh Bắc Giang trong thời gian tới.

Xây dựng mô hình điểm HTX phát triển sản xuất trong thời kỳ hội nhập.

4. Phương pháp nghiên cứu

Về *phương pháp luận*, đề tài dựa trên phương pháp luận chung của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Phương pháp luận chủ yếu của đề tài là lý luận Mác-xít được sử dụng trong toàn bộ nội dung của đề tài.

Các phương pháp cụ thể tiến hành nghiên cứu:

Phương pháp thu thập số liệu và dữ liệu: Tiến hành phương pháp thu thập số liệu và dữ liệu tại địa phương cũng như một số đơn vị có liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất của các HTX. Số lượng mẫu điều tra đảm bảo đủ để mang tính toàn diện và được chọn bằng phương pháp chọn mẫu tổng thể.

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Sử dụng bộ câu hỏi (mẫu phiếu điều tra) được thiết kế để thu thập thông tin và dữ liệu phục vụ cho công tác nghiên cứu

của đề tài, với đối tượng là cán bộ lãnh đạo HTX, thành viên của HTX và cán bộ tại địa phương nơi có HTX đang hoạt động.

Phương pháp xử lý số liệu: Sau khi có số liệu điều tra, số liệu định lượng được xử lý qua chương trình xử lý số liệu thống kê bằng phần mềm SPSS 11.5.

Ngoài ra, Đề tài còn sử dụng phương pháp mô hình hóa, phương pháp so sánh.

5. Ý nghĩa của đề tài

5.1. Ý nghĩa về khoa học: Góp phần làm rõ hơn cơ sở lý luận về quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển HTX nói riêng và KTTT nói chung trong nền kinh tế thị trường. Qua đó thấy được tầm quan trọng của mô hình KTTT trong cơ cấu thành phần kinh tế của nước ta.

5.2. Ý nghĩa đối với thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của Đề tài sử dụng làm tư liệu tham khảo phục vụ cho công tác quản lý của các cơ quan nhà nước; đóng góp ý tưởng vào việc hoạch định chính sách cho các cấp, các ngành về việc làm thế nào để phát triển KTTT.

Kết quả nghiên cứu của Đề tài làm cơ sở lý luận và thực tiễn cho các HTX trong tỉnh tham khảo để đưa ra những giải pháp phát triển HTX của mình trong thời gian tới.

Đề tài giúp đội ngũ cán bộ tham gia thực hiện nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học và có hướng tiếp cận với đầy đủ các luận cứ khoa học để giải quyết các vấn đề khó khăn trong phát triển KTTT.

Với việc hỗ trợ một phần kinh phí cho HTX Thân Trường phát triển sản xuất đã góp phần tạo việc làm ổn định, lâu dài; nâng cao đời sống cho thành viên và người lao động.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

1. Cơ sở lý luận về HTX

Cơ sở lý luận về HTX được đề tài nghiên cứu một cách khái quát nhất là cơ sở để đánh giá thực trạng hoạt động các HTX trên địa bàn tỉnh như: Khái niệm, nguyên tắc, bản chất, vai trò, đặc điểm của HTX; đặc điểm mô hình HTX kiểu mới, sự khác nhau giữa HTX kiểu cũ và HTX kiểu mới; tiêu chí đánh giá HTX; các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển HTX; kinh nghiệm của một số nước và một số địa phương ở Việt Nam về phát triển kinh tế HTX; bối cảnh, xu thế phát triển HTX trong thời gian tới; HTX với hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Thực trạng các HTX trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Đề tài tiến hành điều tra khảo sát 553 HTX với 03 mẫu phiếu (mẫu phiếu 1 điều tra thu thập thông tin về hợp tác xã, mẫu phiếu số 02 khảo sát đối với cán bộ quản lý hợp tác xã, mẫu phiếu số 03 thu thập thông tin thành viên hợp tác xã, và 01 mẫu phiếu thu thập thông tin sự quan tâm chính quyền địa phương đối với các hợp tác xã. Sau khi tổng hợp số liệu từ phiếu điều tra, xử lý bằng phần mềm SPSS, phân tích kết quả, đề tài thu được kết quả chủ yếu về hoạt động của các HTX trên địa bàn tỉnh thời gian qua (2010-2014) như sau:

2.1. Số lượng, cơ cấu, tình trạng hoạt động HTX

Trong 553 HTX điều tra có 315 HTX trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm 56,96%; 218 HTX phi nông nghiệp chiếm 39,42% (104 HTX công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; 114 HTX loại hình khác (thương mại, dịch vụ, điện năng, môi trường, chợ...) và 20 QTDND cơ sở chiếm 3,62%. Trong đó, huyện Hiệp Hòa 67 HTX, huyện Lạng Giang 63 HTX, huyện Lục Nam 42 HTX, huyện Lục Ngạn 61 HTX, huyện Sơn Động 53 HTX, huyện Tân Yên 76 HTX, thành phố Bắc Giang 77 HTX, huyện Việt Yên 36 HTX, huyện Yên Dũng 55 HTX, huyện Yên Thế 23 HTX. Có 304 HTX hoạt động; 33 HTX tạm ngừng hoạt động để đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ, chuẩn bị điều kiện cơ sở để hoạt động; 216 HTX ngừng hoạt động chờ giải thể, chuyển hình thức hoạt động, không tồn tại trên địa bàn...

2.2. Thành viên, người lao động trong HTX

Thành viên và người lao động trong HTX được thể hiện trên bảng 01.

Khu vực HTX năm 2014 thu hút 66.749 thành viên và người lao động tăng 14.048 người so với năm 2010 đạt tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2010-2014 là 104,98%/năm. Trong tổng số thành viên và người lao động của khu vực HTX thì thành viên và người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm tỷ lệ chủ yếu. Năm 2010 là 41.582 người chiếm 79,44%, năm 2014 là 76,22%, tập trung

chủ yếu các huyện Lạng Giang, Yên Dũng, Lục Ngạn, thành phố Bắc Giang, đây là những HTX hoạt động quy mô xã, liên thôn số lượng thành viên nhiều. Thành viên và người lao động trong lĩnh vực CN, TTCN thấp nhất chỉ chiếm khoảng hơn 1%.

Bảng 1: Thành viên và người lao động trong HTX

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1. Thành viên và người lao động	52,341	53,559	55,844	58,189	66,749
- HTX Nông nghiệp	41,582	42,564	44,287	45,414	50,879
- HTX CN, TTCN	542	585	626	615	662
- HTX loại hình khác	7,419	7,396	7,653	7,928	8,178
- Quỹ TDND	2,798	3,014	3,278	4,232	7,030
2. Tổng số lao động thường xuyên	8,784	8,873	9,333	9,775	11,941
- HTX Nông nghiệp	7,055	7,093	7,372	7,658	8,009
- HTX CN, TTCN	661	747	913	991	1,318
- HTX loại hình khác	936	900	911	980	1,295
- Quỹ TDND	132	133	137	146	1,319
2.1 Lao động là thành viên	8,124	8,183	8,541	8,861	10,557
- HTX Nông nghiệp	6,812	6,847	7,124	7,384	7,673
- HTX CN, TTCN	414	484	543	552	564
- HTX loại hình khác	768	721	738	779	1,003
- Quỹ TDND	130	131	136	146	1,317
2.2 Lao động thuê ngoài	660	690	792	914	1,384
- HTX Nông nghiệp	243	246	248	274	336
- HTX CN, TTCN	247	263	370	439	754
- HTX loại hình khác	168	179	173	201	292
- Quỹ TDND	2	2	1	0	2

Nguồn: Số liệu từ điều tra khảo sát của Liên minh HTX tỉnh năm 2015

Tổng số lao động thường xuyên làm việc trong khu vực HTX tăng dần qua từng năm, năm 2014 là 11.941 người tăng 3.157 người so với năm 2010 đạt tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2010-2014 là 106,33%/năm, lao động thường xuyên cũng chủ yếu tập trung ở lĩnh vực nông nghiệp, chiếm tỷ lệ trên 60%. Lao động thường xuyên của HTX chủ yếu là thành viên chiếm trên 90% tổng lao động thường xuyên, lĩnh vực nông nghiệp là lĩnh vực chiếm tỷ lệ cao nhất. Tỷ lệ lao động làm việc thường xuyên không phải là thành viên HTX tăng hàng năm tuy nhiên số lượng vẫn còn thấp năm 2010 là 660 người chiếm 7,51% lên 1.384 người chiếm 11,59% năm 2014 tăng chủ yếu ở lĩnh vực CN, TTCN, lĩnh vực khác có tăng nhưng không đáng kể.

2.3. Trình độ học vấn của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý HTX

Qua kết quả điều tra thể hiện bảng 2 cho thấy đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý trong các HTX có trình độ chuyên môn còn ở mức thấp, chủ yếu là trung cấp, sơ cấp và chưa qua đào tạo chưa đáp ứng được đòi hỏi thực tế, trình độ cao đẳng trở lên chiếm tỷ lệ chưa cao, cụ thể:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị, ban giám đốc là 745 người; trong đó: Trình độ trung cấp là 275 người chiếm 36,91%; sơ cấp là 197 người chiếm 26,44%; chưa qua đào tạo là 142 người chiếm 19,06%; cao đẳng, đại học và trên đại học là 131 người chỉ chiếm 17,58%.

Bảng 2: Trình độ học vấn của cán bộ lãnh đạo quản lý HTX

Chỉ tiêu	Hội đồng quản trị					Ban giám đốc					Ban kiểm soát				
	Tổng số	HTX NN	HTX CN, TTCN	HTX loại hình khác	QTD ND	Tổng số	HTX NN	HTX CN, TTCN	HTX loại hình khác	QT DN D	Tổng số	HTX NN	HTX CN, TTCN	HTX loại hình khác	QTD ND
Chưa qua đào tạo	64	45	9	10	0	78	59	10	9	0	101	76	10	15	0
Sơ cấp	110	67	21	22	0	87	48	7	32	0	103	59	6	34	4
Trung cấp	146	62	26	28	30	129	62	16	35	16	101	45	10	24	22
Cao đẳng	23	9	4	5	5	26	7	5	11	3	24	10	1	9	4
Đại học	39	16	3	12	8	42	18	2	12	10	35	11	3	14	7
Sau ĐH	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	383	200	63	77	43	362	194	40	99	29	364	201	30	96	37

Nguồn: Số liệu từ điều tra khảo sát của Liên minh HTX tỉnh năm 2015

Tổng số thành viên Ban kiểm soát là 364 người; trong đó: Trình độ trung cấp là 101 người chiếm 27,75%; sơ cấp là 103 người chiếm 28,30%; chưa qua đào tạo là 101 người chiếm 27,75%; cao đẳng, đại học và trên đại học 59 người chỉ chiếm 16,21%.

Qua bảng trên cũng cho thấy việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý lãnh đạo trong thời gian tới cần được các HTX, các cấp chính quyền quan tâm hơn nữa, có như vậy mới từng bước đáp ứng yêu cầu thời kỳ hội nhập.

2.4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX

Theo kết quả điều tra: Các nguồn vốn huy động vào khu vực HTX tăng đều qua từng năm, năm 2014 là 3.153.404 triệu đồng tăng gấp 1,58 lần so với năm 2010, tốc độ tăng bình quân 109,63%/năm. Trong đó lĩnh vực CN, TTCN

có tốc độ tăng cao nhất với mức tăng mỗi năm bình quân là 126,88%. Tiếp đến là các QTDND mức tăng bình quân hàng năm là 121,25%; các HTX hoạt động lĩnh vực khác như điện năng, môi trường, thương mại... mức tăng bình quân hàng năm là 120,33%. Cuối cùng là lĩnh vực nông nghiệp mặc dù nguồn vốn lớn nhưng tăng hàng năm không đáng kể, bình quân hàng năm tăng 103,67%. Nguồn vốn tăng chủ yếu là huy động từ bên ngoài để đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh và ở lĩnh vực CN, TTCN (tăng bình quân hàng năm là 131,73%); QTDND (tăng bình quân hàng năm 122,48%). Nguồn vốn tự có tăng ít, bình quân hàng năm tăng 101,01%. Vốn điều lệ tăng bình quân hàng năm thấp 6,01% chủ yếu ở lĩnh vực nông nghiệp và quỹ TDND, lĩnh vực CN, TTCN và loại hình khác tăng không đáng kể. Tổng vốn góp thành viên có tốc độ tăng bình quân hàng năm đạt 5,12%, tăng ở các lĩnh vực nhưng tỷ lệ thấp.

Năm 2014 tổng doanh thu khu vực HTX đạt 1.504.706,9 triệu đồng. Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 279.986,7 triệu đồng, đóng góp vào ngân sách nhà nước 11.050,7 triệu đồng. So với năm 2010 doanh thu của các HTX gấp 2,68 lần, tăng bình quân mỗi năm 121,81%. HTX lĩnh vực khác (điện năng, môi trường, thương mại...) doanh thu chiếm 20,02% tổng doanh thu nhưng mức tăng bình quân hàng năm cao nhất 127,37%. Lĩnh vực nông nghiệp có doanh thu chiếm 69,7% tổng doanh thu nhưng mức tăng bình quân hàng năm chỉ đạt 121,55%, tiếp đến là lĩnh vực CN, TTCN tăng bình quân 118,40%/năm, các QTDND 112,77%/năm.

Bảng 3: Kết quả sản xuất kinh doanh của HTX

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1. Tổng giá trị TS	1.009.417,5	1.128.617,9	1.253.608,0	1.629.960,2	1.931.011,0
HTX Nông nghiệp	418.433,0	423.696,7	452.228,0	475.263,7	526.873,8
HTX CN, TTCN	31.698,4	51.287,2	64.294,0	78.683,8	88.093,0
HTX loại hình khác	355.137,1	386.029,0	412.137,0	591.558,7	738.191,2
Quỹ TDND	204.149,0	267.605,0	324.949,0	484.454,0	577.853,0
2. Tổng số vốn	1.991.484,6	2.130.281,4	2.226.993,7	2.698.204,2	3.153.404,0
HTX Nông nghiệp	1.441.489,1	1.460.390,2	1.447.954,7	1.531.111,5	1.726.067,6
HTX CN, TTCN	15.832,4	31.417,2	39.149,0	47.344,0	52.052,0
HTX loại hình khác	249.822,1	307.081,0	310.926,0	493.020,7	630.128,4
Quỹ TDND	284.341,0	331.393,0	428.964,0	626.728,0	745.156,0
2.1 Vốn tự có	1.244.543,2	1.295.586,7	1.290.675,2	1.335.196,9	1.308.735,0
HTX Nông nghiệp	1.155.745,7	1.170.740,5	1.166.399,2	1.184.830,2	1.146.044,0
HTX CN, TTCN	9.861,4	22.480,2	25.575,0	27.719,0	28.366,0

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
HTX loại hình khác	39.804,1	61.310,0	51.708,0	60.831,7	64.950,0
Quỹ TDND	39.132,0	41.056,0	46.993,0	61.816,0	69.375,0
2.2 Vốn đi vay	746.941,4	834.694,7	936.318,5	1.363.007,3	1.844.669,0
HTX Nông nghiệp	285.743,4	289.649,7	281.555,5	346.281,3	580.023,6
HTX CN, TTCN	5.971,0	8.937,0	3.574,0	19.625,0	23.686,0
HTX loại hình khác	210.018,0	245.771,0	259.218,0	432.189,0	565.178,4
Quỹ TDND	245.209,0	290.337,0	381.971,0	564.912,0	675.781,0
3. Vốn điều lệ	470.700,0	500.192,0	516.538,0	545.441,1	630.161,0
HTX Nông nghiệp	225.611,0	226.905,0	236.510,0	250.183,1	329.334,0
HTX CN, TTCN	10.556,0	13.588,0	17.563,0	19.878,0	20.163,0
HTX loại hình khác	203.881,0	195.098,0	195.285,0	202.995,0	206.154,0
Quỹ TDND	30.652,0	64.601,0	67.180,0	72.385,0	74.510,0
4. Tổng số vốn góp	253.552,5	279.155,6	294.120,0	312.112,3	325.415,8
HTX Nông nghiệp	23.099,5	26.545,9	30.478,0	37.241,0	40.908,5
HTX CN, TTCN	13.590,0	17.677,0	21.088,0	23.230,3	23.830,3
HTX loại hình khác	191.026,0	206.334,7	211.245,0	217.581,0	222.974,0
Quỹ TDND	25.837,0	28.598,0	31.309,0	34.060,0	37.703,0
5. Tổng doanh thu	561.129,0	894.006,1	958.654,3	1.263.325,7	1.504.706,9
HTX Nông nghiệp	395.216,8	628.627,2	600.588,1	814.518,6	1.048.585,8
HTX CN, TTCN	29.387,0	38.190,0	60.489,0	79.804,0	68.374,5
HTX loại hình khác	90.817,2	167.546,9	225.234,2	291.031,1	304.386,6
Quỹ TDND	45.708,0	59.642,0	72.343,0	77.972,0	83.360,0
6. Tổng chi phí	497.648,1	754.398,8	806.884,2	1.023.759,1	1.224.720,2
HTX Nông nghiệp	361.580,2	584.164,2	575.896,1	745.172,3	936.307,1
HTX CN, TTCN	25.577,0	35.111,0	52.368,0	72.627,0	60.286,0
HTX loại hình khác	71.347,9	84.715,0	116.827,1	138.524,8	154.250,1
Quỹ TDND	39.143,0	50.408,6	61.793,0	67.435,0	73.877,0
7. LN trước thuế	63.480,9	139.607,3	151.770,1	239.566,6	279.986,7
HTX Nông nghiệp	33.636,6	44.463,0	24.692,0	69.346,3	112.278,7
HTX CN, TTCN	3.810,0	3.079,0	8.121,0	7.177,0	8.088,5
HTX loại hình khác	19.469,3	82.831,9	108.407,1	152.506,3	150.136,5
Quỹ TDND	6.565,0	9.233,4	10.550,0	10.537,0	9.483,0
8. Nộp thuế	4.886,5	5.994,6	7.570,3	10.610,4	11.050,7

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
HTX Nông nghiệp	595,1	248,4	287,4	810,2	665,2
HTX CN, TTCN	252,3	282,3	935,1	3.229,1	1.682,4
HTX loại hình khác	3.020,6	4.156,9	4.811,1	4.834,8	6.920,0
Quỹ TDND	1.018,5	1.307,0	1.536,7	1.736,3	1.783,1
9. LN Sau thuế	58.594,4	133.612,7	144.199,8	228.956,2	268.936,0
HTX Nông nghiệp	33.041,5	44.214,6	24.404,6	68.536,1	111.613,5
HTX CN, TTCN	3.557,7	2.796,7	7.185,9	3.947,9	6.406,1
HTX loại hình khác	16.448,7	78.675,0	103.596,0	147.671,5	143.216,5
Quỹ TDND	5.546,5	7.926,4	9.013,3	8.800,7	7.699,9

Nguồn: Số liệu từ điều tra khảo sát của Liên minh HTX tỉnh năm 2015

Tổng lợi nhuận trước thuế của các HTX năm 2014 đạt 279.986,7 triệu đồng, mức tăng bình quân hàng năm đạt 34,55%, bình quân mỗi HTX thu được 506,3 triệu đồng. Tỷ trọng lợi nhuận tập trung vào các HTX thuộc lĩnh vực khác, chiếm 53,62% tổng lợi nhuận và có mức tăng lợi nhuận bình quân hàng năm cao nhất đạt 50,46%; Lợi nhuận bình quân một HTX ở lĩnh vực này đạt 1.317 triệu đồng, tiếp đến là HTX lĩnh vực nông nghiệp chiếm 40,1% tổng lợi nhuận có mức tăng bình quân hàng năm đạt 27,26%; lĩnh vực CN, TTCN lợi nhuận đạt mức thấp nhất, bình quân một HTX đạt 77,8 triệu đồng.

Mặc dù doanh thu, lợi nhuận bình quân hàng năm đều tăng trên 20%, tuy nhiên khi tính một số chỉ tiêu: (1) hiệu suất sinh lời trên vốn hoạt động (được tính bằng lợi nhuận sau thuế/tổng nguồn vốn) cho thấy hiệu quả tương đối thấp mặc dù hàng năm đều tăng. Năm 2014 hiệu suất sinh lời trên vốn sản xuất kinh doanh của khu vực HTX là 0,085 lần tăng gấp 2,89 lần so với năm 2010, trong đó lĩnh vực nông nghiệp là 0,065 lần; lĩnh vực CN, TTCN là 0,123 lần; lĩnh vực khác là 0,227 lần và QTDND là 0,01 lần. Tính trên vốn chủ sở hữu năm 2014 là 0,205 lần, tăng so với năm 2010 tăng là 4,36 lần, hiệu suất tăng chủ yếu là ở HTX lĩnh vực khác; (2) hiệu suất sinh lời trên doanh thu (tính bằng tổng lợi nhuận sau thuế/tổng doanh thu) của khu vực HTX năm 2014 đạt 0,179 lần tức là 1 đồng doanh thu mới đem lại 0,179 đồng lợi nhuận, so với năm 2010 tăng 1,71 lần, tăng chủ yếu là HTX lĩnh vực nông nghiệp và HTX lĩnh vực khác, trong khi đó lĩnh vực CN, TTCN, QTDND có tỷ suất sinh lời thấp hơn và giảm so với năm 2010; (3) Chỉ số quay vòng vốn (tính bằng tổng doanh thu/tổng nguồn vốn) tăng nhưng không đều và ổn định giữa các lĩnh vực. Năm 2014 của khu vực HTX đạt 0,477 lần tức là bỏ ra một đồng vốn tạo ra 0,477 đồng doanh thu tăng 1,69 lần so với năm 2010. HTX lĩnh vực CN, TTCN có chỉ số quay vốn nhanh nhất đạt 1,314 lần, sau đó đến HTX lĩnh vực nông nghiệp, HTX lĩnh vực khác, quỹ TDND có chỉ số quay vòng vốn chậm

nhất. Qua phân tích một số chỉ tiêu lợi nhuận trên ta thấy tỷ suất lợi nhuận đều dương chứng tỏ các HTX làm ăn có lãi nhưng tỷ suất này vẫn ở mức thấp, điều này cho thấy hiệu quả thực sự mà HTX đạt được khi bỏ một đồng vốn đầu tư vào quá trình sản xuất kinh doanh thu được kết quả không cao. Đây là cơ sở để các HTX xem lại việc đầu tư của mình vào lĩnh vực kinh doanh đã lựa chọn, cũng cho thấy hiện trạng hoạt động không hiệu quả của khu vực này.

2.5. Tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho thành viên và người lao động

Việc tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho thành viên và người lao động trong các HTX tăng dần qua từng năm. Năm 2014 số người được tham gia BHXH là 511 người tăng gấp 1,94 lần so với năm 2010. Tốc độ tăng bình quân hàng năm của giai đoạn là 114,12%. Đối tượng tham gia đóng bảo hiểm xã hội là thành viên và người lao động HTX, trong đó thành viên chiếm 71,23%, người lao động chiếm 28,77%. Tập trung chủ yếu ở các quỹ TDND và HTX loại hình khác. Thành viên được đóng chủ yếu là đội ngũ lãnh đạo quản lý HTX ở các HTX quy mô xã, quỹ TDND, HTX dịch vụ điện năng, HTX từ thời bao cấp chuyển đổi. Nếu so với tổng số lượng thành viên và người lao động trong khu vực HTX thì mức độ tham gia bảo hiểm xã hội tương đối thấp, năm 2010 số lượng tham gia bảo hiểm chiếm 0,5%, năm 2014 chiếm 0,76%. Đây cũng là vấn đề đặt ra cho các HTX trong thời gian tới. Khi Luật BHXH có hiệu lực từ 01/2016.

2.6. Lương cán bộ quản lý và người lao động

Lương của cán bộ lãnh đạo quản lý HTX và người lao động tăng dần qua các năm tuy nhiên mức lương này còn thấp so với mặt bằng. Thu nhập bình quân của cán bộ quản lý HTX năm 2014 là 3,479 triệu đồng/người/tháng tăng gấp 1,95 lần so với năm 2010, đạt tốc độ tăng bình quân hàng năm là 124,19%. Lương của cán bộ quản lý HTX lĩnh vực QTDND đạt mức cao nhất năm 2014 là 6,36 triệu đồng đạt mức tăng bình quân hàng năm là 109,99% sau đó đến HTX lĩnh vực khác là 4,697 triệu đồng đạt mức tăng bình quân hàng năm là 143,07%, HTX lĩnh vực CN, TTCN và nông nghiệp mức lương còn thấp lần lượt là 0,988 triệu đồng và 0,951 triệu đồng, mặc dù mức tăng bình quân hàng năm là 110,94% và 117,04%.

Bảng 4: Thu nhập cán bộ quản lý, lao động

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Tổng quỹ lương	95.710,3	73.765,4	142.442,0	153.522,0	217.349,9
HTX Nông nghiệp	70.687,6	41.604,3	100.372,8	105.333,5	150.122,5
HTX CN, TTCN	7.473,0	8.788,3	11.754,5	12.515,2	14.843,8
HTX loại hình khác	10.900,7	14.222,8	20.429,3	24.214,3	40.001,6
Quỹ TDND	6.649,0	9.150,0	9.885,4	11.459,0	12.382,0
Lương BQ CB quản lý	1,178	1,416	1,858	1,969	3,479

HTX Nông nghiệp	0,433	0,522	0,577	0,743	0,951
HTX CN, TTCN	0,588	0,734	0,884	0,913	0,988
HTX loại hình khác	0,829	0,987	1,869	1,536	4,967
Quỹ TDND	3,950	4,635	4,915	5,810	6,360
Lương BQ lao động	0,907	1,093	1,229	1,512	1,763
HTX Nông nghiệp	0,290	0,409	0,411	0,503	0,685
HTX CN, TTCN	0,387	0,715	0,614	1,007	0,694
HTX loại hình khác	0,897	0,688	1,129	1,170	1,578
Quỹ TDND	2,590	3,138	3,260	3,975	4,380

Nguồn: Số liệu từ điều tra khảo sát của Liên minh HTX tỉnh năm 2015

Đây cũng là vấn đề đặt ra cho các HTX CN, TTCN và nông nghiệp trong thời gian tới khi mức lương tối thiểu vùng áp dụng từ 01/01/2016.

2.7. Việc thực hiện chính sách đối với HTX

Chính sách đất đai: Theo số liệu khảo sát chỉ có 157 HTX có trụ sở làm việc, nhà kho, nhà xưởng, văn phòng đại diện, điểm bán hàng chiếm 28,39%, trong đó đất thuê là 39 HTX; đất giao là 52 HTX; đất tự mua là 31 HTX; đất mượn của tổ chức cá nhân là 35 HTX.

Chính sách thuế: Các HTX tham gia nộp thuế môn bài, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT. Có 164 HTX đóng thuế; trong đó, có 58 HTX tham gia nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế VAT; có 10 HTX có thành viên đóng thuế thu nhập cá nhân.

Chính sách vay vốn: Có 132 HTX đang có nhu cầu vay vốn để đầu tư mở rộng sản xuất, chủ yếu là muốn vay từ ngân hàng chính sách xã hội, Quỹ hỗ trợ KTTT tỉnh, ngân hàng thương mại, tuy nhiên việc tiếp cận nguồn vốn này còn hạn chế. Quỹ hỗ trợ phát triển KTTT tỉnh ít, có 7 tỷ đồng vay từ ngân sách nhà nước, chỉ đáp ứng phần nhỏ nhu cầu vay của các thành viên.

2.8. Vai trò của lãnh đạo chính quyền địa phương

Dưới góc nhìn của các HTX

Các cấp chính quyền địa phương tại Bắc Giang đã rất nỗ lực để hỗ trợ các HTX tối ưu hóa được các điều kiện của địa phương mình để tạo ra các khuyến khích và hỗ trợ cụ thể mang tính đột phá, “đón thị trường”, đồng thời có hướng giải quyết tốt các rủi ro, phát huy tốt chức năng tương trợ và phi kinh tế của HTX để ứng phó với mặt trái, thách thức của hội nhập. Các cấp chính quyền địa phương phát huy tốt trong các hoạt động truyền thông, tuyên truyền về chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước đối với HTX; sự sâu sát trong hỗ trợ hoạt động của các HTX.

Tuy nhiên, một số cấp uỷ Đảng, chính quyền, một bộ phận cán bộ, đảng

viên nhận thức chưa đầy đủ về KTTT mà nòng cốt là HTX. Công tác chỉ đạo, hỗ trợ phát triển HTX còn hạn chế; chưa giúp đỡ hiệu quả các HTX giải quyết khó khăn trong hoạt động; chưa tạo được nguồn lực đáng kể thúc đẩy hoạt động trong lĩnh vực này. Quản lý Nhà nước về KTTT còn chông chéo, hiệu quả chưa cao. Việc tổng kết, biểu dương và nhân rộng các điển hình, mô hình HTX tiên tiến còn hạn chế. Việc cụ thể hoá các quy định mà Trung ương đã ban hành về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX còn chậm và chưa đồng bộ; nguồn lực dành cho việc thực hiện chính sách còn ít.

Điều đáng mừng là trong đánh giá của các HTX về thiếu sự quan tâm của cấp ủy chính quyền địa phương thể hiện trong nghiên cứu chiếm tỷ lệ rất nhỏ (7,5%). Rõ ràng, các HTX đều nhận thấy sự chú trọng phát triển và những nỗ lực trợ giúp từ các cấp chính quyền. Về mặt định lượng có thể thấy trong con mắt của các HTX việc quản lý nhà nước về phát triển HTX đã đạt yêu cầu. Có thể họ cho rằng để giải quyết những bài toán khó khăn của họ cần nhiều hơn các công cụ hỗ trợ từ chính sách vĩ mô.

Theo đánh giá của cán bộ lãnh đạo quản lý HTX về vai trò quản lý nhà nước trong hỗ trợ hoạt động của các HTX cho thấy một tỷ lệ khá tốt về mức độ hài lòng. Nghiên cứu cho thấy có 40,2% số người được hỏi đánh giá tốt, 43,7% đánh giá vai trò của chính quyền địa phương ở mức bình thường. Tỷ lệ đánh giá yếu/kém chỉ có 2,3%. Điều này cho thấy những nỗ lực không ngừng của các cấp chính quyền địa phương tại Bắc Giang là rất đáng ghi nhận. Vấn đề còn lại chỉ là chất lượng của các hoạt động hỗ trợ này như thế nào?

Về nhu cầu đối với hệ thống chính trị của địa phương, các đề xuất giải pháp của các lãnh đạo HTX tập trung vào một số những chỉ báo như sau: Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể tổ chức tuyên truyền sâu rộng tới toàn thể nhân dân Nghị quyết của Đảng về KTTT, Luật HTX và các văn bản hướng dẫn thực hiện (59,7%); Có các chính sách ưu đãi, ưu tiên phát triển HTX tại địa phương (80,1%); Có chính sách hỗ trợ, đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực cho HTX (54,8%); Thành lập Ban chỉ đạo phát triển KTTT và thực hiện đúng nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với KTTT, chỉ đạo HTX hoạt động đúng theo bản chất HTX (29%); Tạo điều kiện để HTX tham gia vào các chương trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương (59,5%); Các đồng chí lãnh đạo trong hệ thống chính trị địa phương thường xuyên được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức về lĩnh vực kinh tế HTX trong thời kỳ hội nhập (34,4%).

Dưới góc nhìn của cấp ủy, chính quyền địa phương

Đánh giá về thực trạng và những khó khăn các HTX trên địa bàn Bắc Giang đang gặp phải, các cấp chính quyền địa phương nhận định: Khó khăn về vốn (thiếu vốn, thủ tục vay rườm rà...) vẫn đang là rào cản lớn nhất cho khả

năng hoạt động và phát triển của HTX chiếm 76,5%. Khó khăn thứ 2 là về tiếp cận và tìm kiếm được thị trường cho đầu ra, thị trường bấp bênh, giá cả không ổn định (55,3%); Công nghệ, máy móc thiết bị thiếu, lạc hậu (42,9%); Khó tiếp cận khoa học công nghệ (36,9%); Cuối cùng là nhân lực HTX còn thiếu và yếu về kỹ năng, trình độ tổ chức sản xuất, bán hàng (32,3%). Những khó khăn mà các cấp chính quyền địa phương chỉ ra cũng tương đồng với những khó khăn mà các HTX đang gặp phải. Điều này thể hiện rõ sự sâu sát và đồng cảm cũng như sự chia sẻ của bộ máy quản lý nhà nước tại Bắc Giang đối với các HTX trên địa bàn. Tất nhiên, phần hạn chế nhất định vẫn nằm ở việc nắm bắt bản chất cốt lõi của nền kinh tế hàng hóa trong đó, các cấp quản lý chính quyền cũng cần được tập huấn nâng cao thêm về kỹ năng nhận diện thị trường, định hạng sản phẩm và tìm kiếm khả năng bán hàng tốt.

Thiết nghĩ nhiệm vụ của các cấp quản lý chính quyền không nhất thiết phải có đủ các kỹ năng trên mà vai trò của họ thể hiện tích cực hơn ở việc tìm kiếm những giải pháp về hỗ trợ đào tạo kỹ năng và kiến thức thị trường cho các HTX. Đối với các nhóm chính sách cụ thể đã được triển khai tại Bắc Giang, các cấp chính quyền địa phương cũng cho rằng các chính sách về cơ bản vẫn chưa thể hiện được vai trò công cụ trợ giúp cho các HTX vươn lên một cách mạnh mẽ. Các chính sách về vay vốn lãi suất thấp và chính sách về cấp đất/cho thuê đất giá rẻ được đánh giá là yếu nhất với khoảng 15% đánh giá tốt. Đáng chú ý có 23% người trả lời cho rằng các chính sách này không được thực hiện trong những năm qua. Có thể nói, vai trò của các chính sách này còn rất mờ nhạt. Đánh giá về sự quan tâm của các cấp chính quyền địa phương đối với hoạt động của các HTX, số liệu cho thấy những nhìn nhận rất tích cực. Lượng đánh giá tốt chiếm 64,5%, tỷ lệ đánh giá chưa tốt chỉ chiếm 4,1%. Điều này cho thấy các cấp chính quyền địa phương nhận thức rất rõ vai trò của mình trong quản lý nhà nước đối với sự phát triển của các HTX; Về việc triển khai học tập nghị quyết: Theo kết quả khảo sát điều tra có 75,22% có ý kiến cho rằng Huyện ủy, HĐND huyện có ra Nghị quyết chuyên đề và Chương trình hành động về đổi mới, phát triển KTTT. Tuy nhiên khi triển khai thực hiện thì nghị quyết của địa phương cũng như hiện Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về HTX chỉ có 29,4% ý kiến cho rằng việc triển khai đạt hiệu quả tốt, có tới 64,2% ý kiến cho rằng việc triển khai học tập và thực hiện nghị quyết đạt hiệu quả chưa cao; 6,0% ý kiến cho rằng không hiệu quả. Đây cũng là vấn đề đòi hỏi các cấp chính quyền phải đánh giá lại việc triển khai thực hiện và có giải pháp thực hiện trong thời gian tới đảm bảo hiệu quả; Về thực hiện một số chính sách của Nhà nước như miễn giảm thuế, giao đất, cho thuê đất có thu tiền và không thu tiền, tạo điều kiện vay vốn lãi suất thấp hiệu quả chưa cao.

2.9. Đóng góp của khu vực HTX vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh

Qua đánh giá mức đóng góp vào giá trị sản xuất cũng như giá trị tăng thêm của khu vực HTX vào giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của tỉnh vẫn ở mức thấp chưa đến 1%/năm. Cụ thể năm 2010 giá trị sản xuất của khu vực HTX chỉ chiếm 0,71% so với toàn tỉnh, giá trị tăng thêm chỉ chiếm 0,66%. Mức này mặc dù tăng dần qua từng năm nhưng không ổn định đến năm 2014 tổng giá trị sản xuất chỉ chiếm 0,78% và giá trị tăng thêm chỉ chiếm 0,92%. Tốc độ tăng bình quân hàng năm giá trị sản xuất 119,78%, giá trị tăng thêm tăng 22,35%. Đây là điều đáng mừng nhưng để khu vực này có đóng góp nhiều hơn nữa trong thời gian tới đòi hỏi sự nỗ lực hơn nữa của từng HTX và tạo điều kiện của chính quyền các cấp.

2.10. Đánh giá khó khăn, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

** Khó khăn, tồn tại, hạn chế*

Khu vực HTX vẫn còn nhiều khó khăn, tồn tại chưa khắc phục được cần quan tâm giải quyết trong thời gian tới để từng bước đưa khu vực này hoạt động hiệu quả, có vị trí nhất định trong nền kinh tế thị trường cũng như trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Đa số các HTX thiếu trụ sở làm việc, văn phòng đại diện, nhà xưởng chủ yếu nhờ nhà của chủ nhiệm HTX (nay là chủ tịch hội đồng quản trị hoặc giám đốc HTX), chỉ một số ít HTX được thuê đất, giao đất hoặc tự mua (tập trung ở các QTDND, HTX CN, TTCN quy mô lớn, HTX dịch vụ vận tải, chợ...); việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng còn hạn chế chỉ một số ít HTX tiếp cận nguồn vốn này; đội ngũ cán bộ lãnh đạo HTX có trình độ học vấn chưa đáp ứng yêu cầu, có độ tuổi cao, việc thu hút lao động trẻ về làm việc cho HTX còn ít, chưa có chế độ đãi ngộ phù hợp; lương của cán bộ lãnh đạo cũng như người lao động còn thấp so với mặt bằng chung; số người được tham gia đóng bảo hiểm xã hội còn thấp; doanh thu và lợi nhuận tăng hàng năm nhưng hiệu quả sử dụng đồng vốn thấp; Luật HTX năm 2012 đã được phổ biến tuyên truyền, tập huấn đến các HTX trên địa bàn các huyện, thành phố nhưng công tác ban hành văn bản hướng dẫn thủ tục tổ chức lại, chuyển đổi vẫn chậm, lúng túng làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của các HTX...

Theo kết quả điều tra, khảo sát thì có tới 234 HTX (chiếm 42,31%) cho rằng thiếu vốn để đầu tư vào quá trình sản xuất, kinh doanh là khó khăn nhất cần được quan tâm từ các cấp chính quyền, tiếp đến là khó khăn do thiếu cơ sở vật chất hoặc không có chiếm 30,74%, khó khăn về thị trường đầu ra khó tiếp cận, bấp bênh chiếm 18,99%, còn khó khăn về chất lượng nhân lực, tiếp cận khoa học kỹ thuật, thiếu sự quan tâm của chính quyền địa phương chiếm 7,96%.

** Nguyên nhân*

Về khách quan: Cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX chưa đồng bộ, nhất là chính sách tín dụng. Một số chính sách chậm được quan tâm triển khai tổ chức thực hiện từ cấp trên, nhất là chính sách đất đai. Nhận thức của xã hội, của người sản xuất về vị trí, vai trò của HTX còn mờ nhạt, chưa thấy được ý nghĩa của việc hợp tác, hiệp lực trong quá trình tổ chức sản xuất, kinh doanh.

Về chủ quan: Đến nay số lượng HTX được hướng dẫn tổ chức, đăng ký lại hoạt động còn thấp. Sự nhận thức về mô hình HTX kiểu mới chưa rõ ràng, đầy đủ. Trình độ, năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý HTX còn thấp, hạn chế trong việc đưa ra chiến lược, kế hoạch kinh doanh theo cơ chế mới và tìm kiếm thị trường. Nhiều Giám đốc HTX chưa thực sự dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm, trong khi loại hình này đòi hỏi người lãnh đạo quản lý phải mạnh dạn, quyết liệt, có tâm huyết. Mặt khác do chưa thoát khỏi tư tưởng bao cấp, hoạt động theo kiểu cũ nên nhiều thành viên có những đòi hỏi không phù hợp yêu cầu đổi mới, điều đó cũng hạn chế hoạt động chủ động của giám đốc. Các cơ quan Nhà nước, nhất là cấp huyện và cơ sở và các ngân hàng thương mại chưa thực sự quan tâm tìm cách tháo gỡ khó khăn cho HTX, nhất là các điều kiện vay vốn; nhiều nơi, cấp ủy, chính quyền chưa thực sự quán triệt và chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển KTTT và HTX; chưa hiểu và đặt đúng vị trí, vai trò của HTX trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Nhìn chung: Qua điều tra đánh giá thực trạng hoạt động của các HTX trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010-2014 cho thấy khu vực HTX thời gian qua đã từng bước đi lên, hoạt động ổn định, hiệu quả hơn dưới sự nỗ lực của chính HTX cũng như sự quan tâm tạo điều kiện của các cấp chính quyền địa phương, như thu hút thêm và tạo việc làm ổn định cho thành viên, người lao động làm việc trong HTX; tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho thành viên và người lao động ngày càng được quan tâm; các HTX mạnh dạn đầu tư vốn, máy móc thiết bị mới, hiện đại cho quá trình sản xuất để tăng doanh thu và lợi nhuận góp phần tăng thu nhập cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo HTX cũng như thành viên và người lao động tạo niềm tin, yên tâm gắn bó làm việc trong HTX...

Tuy nhiên, còn nhiều HTX chưa nắm được Luật, chưa chủ động tổ chức lại hoạt động theo Luật 2012. Số HTX ngừng hoạt động chờ giải thể nhiều (216/553 HTX, chiếm 39%), hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh thấp. Lương của cán bộ lãnh đạo quản lý HTX và người lao động tăng dần qua các năm tuy nhiên mức lương này còn thấp so với mặt bằng; lương của cán bộ lãnh đạo HTX lĩnh vực CN, TTCN, nông nghiệp và mức lương của người lao động trong các HTX còn rất thấp so với mức lương tối thiểu vùng hiện nay. Việc đóng BHXH cho thành viên và người lao động ít, tỷ lệ đóng BHXH thấp, năm 2014 là 0,76%...

3. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX trên địa bàn tỉnh Bắc Giang trong thời gian tới

3.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, làm cho cán bộ đảng viên và nhân dân nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của HTX, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển HTX.

Các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên nhất là những cơ quan, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển KTTT cần tiếp tục tổ chức học tập nghiên cứu, quán triệt sâu sắc chủ trương phát triển KTTT, nhận thức đúng và đầy đủ hơn về bản chất và mô hình HTX kiểu mới, đồng thời chú trọng công tác tuyên truyền với các biện pháp thiết thực, hấp dẫn bảo đảm đến được với các tổ hợp tác, HTX và đông đảo người dân.

Tuyên truyền thông qua Bản tin KTTT, Sổ tay tuyên truyền về HTX và tổ chức cuộc thi tìm hiểu Luật HTX năm 2012; thông qua việc tôn vinh kịp thời những HTX có thành tích tốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh; thông qua các mô hình điển hình tiên tiến...

3.2. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực HTX

Củng cố và kiện toàn bộ máy quản lý Nhà nước đối với KTTT ở các cấp: các cơ quan đơn vị liên quan ở tỉnh thực hiện nhiệm vụ phát triển KTTT nên có bộ phận chuyên trách; các huyện cần phải có biên chế chuyên trách theo dõi và quản lý nhà nước về HTX trên địa bàn và giao cho phòng Tài chính - Kế hoạch làm đầu mối quản lý HTX; cấp xã cần có biên chế kiêm nhiệm theo dõi tình hình hoạt động của KTTT.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ đạo phát triển KTTT các huyện, thành phố; thành lập Ban chỉ đạo phát triển KTTT tại xã, phường, thị trấn để có chỉ đạo thống nhất ở địa phương về lĩnh vực này.

3.3. Tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung ban hành và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển HTX

Cần rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX về tài chính, tín dụng; đất đai, tài nguyên, môi trường; đào tạo nguồn nhân lực; hỗ trợ xúc tiến thương mại; hỗ trợ về khoa học - công nghệ... và tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

3.4. Xây dựng mô hình điểm; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các HTX

Tập trung xây dựng được mô hình HTX điển hình tiên tiến kinh doanh có hiệu quả trên mỗi lĩnh vực. Trước mắt xây dựng mô hình điểm HTX sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, liên kết với doanh nghiệp với người nông dân trong thực hiện chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản; HTX chăn

nuôi; HTX sản xuất, chế biến tiêu thụ gà đồi Yên Thế, vải thiều Lục Ngạn và Mỳ Chũ... Xây dựng Đề án thành lập Liên hiệp Hợp tác xã sản xuất và tiêu thụ mỳ Chũ.

Xây dựng Đề án hỗ trợ trang bị, sử dụng công nghệ thông tin cho các HTX.

3.5. Phát huy vai trò của Liên minh HTX tỉnh, Mặt trận tổ quốc các đoàn thể nhân dân, các hội, hiệp hội của tỉnh trong đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế HTX

Liên minh HTX: Cần được củng cố và kiện toàn tổ chức, đảm bảo năng lực để làm tròn vai trò của tổ chức đại diện, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các HTX và các tổ chức thành viên. Thực hiện tốt vai trò là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo phát triển KTTT tỉnh trong nghiên cứu, tham mưu, đề xuất và tổ chức triển khai thực hiện chính sách của Nhà nước về phát triển HTX đối với UBND tỉnh. Mỗi cán bộ phải tích cực, chủ động nghiên cứu, học tập, nâng cao năng lực, trình độ. Thực hiện tốt việc tư vấn, hỗ trợ, tạo điều kiện cho sự tồn tại, ra đời của các hợp tác xã mới. Bảo đảm tư vấn hỗ trợ phải vừa có chiều rộng vừa có chiều sâu và có hiệu quả; tư vấn cho nhiều đối tượng, tập trung vào nhiều lĩnh vực, những lĩnh vực thiết thực cho hoạt động kinh doanh của hợp tác xã.

Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội: Cần có kế hoạch, chương trình tuyên truyền, vận động, hội viên, thành viên tự nguyện tham gia phát triển KTTT. Tập hợp phản ánh các ý kiến, nguyện vọng của HTX để tham mưu cho cấp uỷ Đảng, chính quyền.

3.6. Tăng cường liên doanh liên kết

Tăng cường liên doanh liên kết giữa các HTX với doanh nghiệp, thực hiện lồng ghép các chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn với mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế hợp tác.

Thường xuyên tổ chức các cuộc gặp mặt, hội nghị, hội thảo giữa HTX với các doanh nghiệp, chủ thể kinh doanh đầu vào và đầu ra trên địa bàn tỉnh; tiếp thị hàng hóa và chiến lược sản xuất, kinh doanh; tiến hành hoạch định chiến lược liên kết, quy hoạch và chiến lược sản xuất, kinh doanh.

3.7. Phát huy nội lực của HTX, tổ chức hoạt động theo đúng Luật

Các HTX cần chủ động và sáng tạo trong xây dựng và phát triển HTX bền vững, thực hiện liên doanh, liên kết, hợp nhất, sáp nhập nhằm nâng cao năng lực tài chính, quy mô hoạt động. Tiếp tục phát huy việc vận dụng các nguyên tắc căn bản trong xây dựng và phát triển HTX. Củng cố và phát triển năng lực đội ngũ cán bộ điều hành.

Ngoài nhóm giải pháp chung nhằm thúc đẩy hoạt động của các HTX đề tài đề xuất các giải pháp cụ thể cho từng lĩnh vực.

4. Xây dựng mô hình HTX phát triển sản xuất

Đề tài hỗ trợ xây dựng mô hình HTX phát triển sản xuất với 4 nội dung và kết quả thực hiện từng nội dung như sau:

(1) *Về tập huấn kiến thức thị trường, kỹ thuật canh tác, bón phân chè:* Liên minh phối hợp với HTX mời đại diện Tổng công ty phân bón Sông Gianh, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Yên Thế, trạm bảo vệ thực vật huyện tổ chức lớp tập huấn, tọa đàm cho 60 người (theo quy định hỗ trợ là 30 người) là thành viên, người lao động trong HTX, người lao động ở các hộ đang có nhu cầu tham gia thành viên HTX và người lao động khác.

(2) *Thăm quan học tập tại tỉnh Phú Thọ:* Liên minh HTX tỉnh Bắc Giang phối hợp HTX Tân Trường tổ chức thăm quan học tập kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hái và chế biến một số giống Chè tại Viện Khoa học kỹ thuật Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc cho 40 người là thành viên và người lao động trong HTX (hỗ trợ tiền xe đi lại và tiền ăn một ngày). Buổi học tập kinh nghiệm tạo điều kiện cho các thành viên, người lao động có cơ hội biết thêm các giống chè mới; kỹ thuật giám canh; kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hái một số giống chè có chất lượng tốt, sản lượng cao, có đặc điểm tương ứng với giống chè tại địa phương làm điều kiện để xem xét thay thế các giống chè cũ năng suất thấp chất lượng kém tại địa phương. Sau khi kết thúc buổi thăm quan học tập tại Phú Thọ, lãnh đạo HTX đã tiến hành triển khai tuyên truyền, phổ biến rộng rãi tới tất cả thành viên và người lao động trong HTX không có điều kiện tham gia để nâng cao kiến thức, kỹ thuật, cùng thống nhất bàn bạc thay đổi dần phương thức canh tác, giống, kỹ thuật chăm sóc, thu hái, chăm bón chè để xây dựng thương hiệu Chè xanh bản Ven ngày càng phát triển.

(3) *Hỗ trợ vật tư, chế phẩm sinh học:* Với kinh phí hỗ trợ 1,5 ha chè trong mô hình về vật tư, chế phẩm sinh học chuyên chè theo tiêu chuẩn kỹ thuật chăm sóc của HTX. Tổng kinh phí cho 1,5 ha/năm là 127.002.000 đồng, trong đó đơn vị thực hiện hỗ trợ 60% tổng kinh phí là 76.932.000 đồng, HTX đối ứng 40% tổng kinh phí là 50.070.000 đồng. Hỗ trợ gồm 02 nội dung: (1) là hỗ trợ phân bón; (2) Hỗ trợ thuốc bảo vệ thực vật và chế phẩm sinh học. Mặc dù với diện tích hỗ trợ nhỏ nhưng tạo động lực khích lệ HTX trong quá trình sản xuất.

(4) *Hỗ trợ hoạt động cho HĐQT, BKS trong việc tìm kiếm thị trường, đối tác tiêu thụ:* Nhằm động viên khích lệ Hội đồng quản trị, ban kiểm soát HTX trong thời gian đầu tìm kiếm thị trường tiêu thụ cũng như giới thiệu quảng bá sản phẩm chè xanh Bản ven tới người tiêu dùng trong tỉnh cũng như ngoài tỉnh, đề tài hỗ trợ 6 tháng với mức hỗ trợ hàng tháng bằng 0,1 mức lương tối thiểu vùng áp dụng đối với người lao động làm việc tại doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác... với tổng số tiền hỗ trợ là 7.740.000 đồng.

(5) Hiệu quả hỗ trợ mô hình HTX phát triển sản xuất

Với việc hỗ trợ mô hình HTX phát triển sản xuất tại HTX Thân Trường đã đem lại hiệu quả trên nhiều mặt:

Là sự động viên kịp thời trước khó khăn bước đầu trong quá trình thực hiện sản xuất kinh doanh, giúp cho thành viên, người lao động trong HTX gắn bó hơn với HTX, yên tâm làm việc. Mặc dù còn nhiều khó khăn song lãnh đạo HTX không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho thành viên và người lao động với mức lương hàng tháng tăng từ 3 triệu lên 3,5 - 4 triệu đồng.

Khi áp dụng quy trình chăm sóc của HTX năng suất chè của HTX, thành viên HTX ngày một tăng lên. Năng suất tăng từ 10-15kg chè khô/sào (60-90kg chè tươi) lên 20-25kg chè khô/sào (120-150kg chè tươi). Tạo động lực cho thành viên trong quá trình sản xuất.

Làm cơ sở HTX cùng với thành viên, người lao động, hộ dân có nhiều lựa chọn những giống chè phù hợp với điều kiện địa phương, góp phần duy trì và ngày càng phát triển sản phẩm chè.

HTX mạnh dạn đầu tư thêm máy móc, phát triển thêm mẫu mã, bao bì, đa dạng sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường. HTX xây dựng nhà xưởng để thu mua, chế biến, trưng bày, giới thiệu, bán sản phẩm tại vùng chè. Trong năm qua nhiều đoàn lãnh đạo Trung ương, tỉnh, huyện tới thăm động viên. Nhiều đoàn công tác tới thăm quan học tập mô hình của HTX. Thị trường tiêu thụ ổn định, ngày một mở rộng.

Tuy nhiên nhu cầu vốn để đầu tư cho sản xuất của HTX lớn, vì vậy cần được sự quan tâm, tạo điều kiện của các cấp, các ngành địa phương thúc đẩy HTX hoạt động ngày một hiệu quả và bền vững.

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Trong xu thế hội nhập và phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN hiện nay, việc nghiên cứu Đề tài khoa học “Đánh giá thực trạng các HTX trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; đề xuất giải pháp và mô hình phát triển HTX trong thời kỳ hội nhập” là thực sự cần thiết. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn về HTX chứng tỏ KTTT mà nòng cốt là HTX có vị trí, vai trò quan trọng, cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc trong nền kinh tế quốc dân; ngoài việc đóng góp tăng trưởng kinh tế còn có ý nghĩa xã hội quan trọng. Đánh giá hiệu quả kinh tế của các HTX cần phải đánh giá thêm hiệu quả của kinh tế hộ thành viên.

1.2. Khi nghiên cứu, chúng tôi đã sử dụng phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng các quan điểm của Đảng và Nhà nước. Đã tiếp cận từ khái niệm, nguyên tắc, bản chất, vai trò, đặc điểm, tiêu chí đánh giá; nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển hợp tác xã; kinh nghiệm của một số nước và một số địa phương ở Việt Nam về phát triển kinh tế hợp tác xã... Thu thập thông tin, điều tra xã hội học 553 HTX hoạt động từ năm 2010-2014. Đã đánh giá được thực trạng các các HTX trên địa bàn tỉnh. Trong 553 HTX, có 315 HTX trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm 56,96%; 218 HTX phi nông nghiệp chiếm 39,42% (104 HTX công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; 114 HTX thương mại, dịch vụ, điện năng, môi trường, chợ...) và 20 Quỹ TDND cơ sở chiếm 3,62%. Có 304 HTX hoạt động; 33 HTX tạm ngừng hoạt động; 216 HTX ngừng hoạt động chờ giải thể, chuyển hình thức hoạt động, không tồn tại trên địa bàn...

Nhìn chung, khu vực HTX thời gian qua đã từng bước đi lên, hoạt động ổn định, hiệu quả hơn, làm ăn có lãi. Đã thu hút thêm và tạo việc làm ổn định cho thành viên, người lao động làm việc trong HTX; thành viên, người lao động trong HTX có lương và số người tham gia đóng bảo hiểm xã hội tăng hàng năm, tạo niềm tin, yên tâm gắn bó làm việc trong HTX... Tuy nhiên, khu vực HTX vẫn còn nhiều khó khăn, tồn tại kéo dài nhiều năm chưa khắc phục được. Đa số các HTX hiệu quả hoạt động thấp; thiếu trụ sở làm việc, văn phòng đại diện, nhà xưởng; thiếu vốn sản xuất kinh doanh. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo HTX có trình độ học vấn thấp chưa đáp ứng yêu cầu; lương của cán bộ lãnh đạo cũng như người lao động còn thấp so với mặt bằng chung; số người tham gia đóng bảo hiểm xã hội ít...

1.3. Đề tài đưa ra 7 nhóm giải pháp chung nhằm thúc đẩy hoạt động của các HTX trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới bao gồm: (1) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, làm cho cán bộ đảng viên và nhân dân nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của HTX, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về

phát triển HTX. (2) Tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực HTX. (3) Tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung ban hành và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển HTX. (4) Xây dựng mô hình điểm; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các HTX. (5) Phát huy vai trò của Liên minh HTX tỉnh, Mặt trận tổ quốc các đoàn thể nhân dân, các hội, hiệp hội của tỉnh trong đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế HTX. (6) Tăng cường liên doanh liên kết. (7) Phát huy nội lực của HTX, tổ chức hoạt động theo đúng Luật HTX 2012. Và đã đưa ra một số giải pháp cụ thể đối với từng loại HTX. Chúng tôi tin tưởng các cấp, các ngành vận dụng các giải pháp này vào thực tế chắc chắn sẽ góp phần đưa kinh tế HTX của tỉnh phát triển.

Mặc dù nhóm nghiên cứu đã có nhiều cố gắng trong việc nghiên cứu, nhưng đây là vấn đề trong thực tiễn còn nhiều khó khăn, vướng mắc đặt ra, nên không thể tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Nhóm nghiên cứu đề tài rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, nhà quản lý, nhà hoạt động thực tiễn và những ai quan tâm tới vấn đề này.

2. Đề nghị

2.1. Đối với Trung ương

Cần có qui định thống nhất cơ cấu tổ chức, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, biên chế của Liên minh HTX các tỉnh, thành phố.

Bộ Tài chính cần có giải pháp tháo gỡ thực trạng nợ cũ tồn đọng lâu đời cho các HTX và sớm ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện. Cần có qui định thống nhất Quỹ hỗ trợ phát triển HTX trên toàn quốc; hướng dẫn cụ thể việc thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ lãi xuất đối với HTX.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư thay thế Thông tư 01/2006/TT-BKH ngày 19/01/2006 về hướng dẫn tiêu chí đánh giá và phân loại HTX.

2.2. Đối với tỉnh Bắc Giang

Đề nghị UBND tỉnh sớm ban hành các chính sách phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh (thực hiện Quyết định 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020).

Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh giao Liên minh HTX tỉnh từ nay đến năm 2020 cho xây dựng 3 đề án: Đề án thành lập và phát triển Liên hiệp HTX Mỹ Châu, Lục Ngạn; Đề án xây dựng, phát triển HTX gà đồi Yên Thế; Đề án phát triển HTX chăn nuôi trên địa bàn huyện Yên Dũng.

Các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh thường xuyên kiểm tra tình hình hoạt động của các HTX trên địa bàn, nhằm đưa HTX hoạt động đúng Luật

HTX năm 2012.

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ kết quả Đề tài, có biện pháp tổ chức lại, đăng ký lại, chuyển đổi HTX đối với các HTX đang hoạt động; giải thể đối với các HTX ngừng hoạt động đảm bảo theo đúng Luật HTX 2012, không để các HTX tồn tại trên danh nghĩa; đưa HTX hoạt động đúng bản chất của HTX. Chỉ đạo việc thành lập ban chỉ đạo phát triển KTTT xã, phường, thị trấn.

Đề nghị các Hội đoàn thể, đặc biệt Hội nông dân, Phụ nữ và Đoàn Thanh niên phát động phong trào “Phát triển kinh tế tập thể trong thời kỳ hội nhập”.

CƠ QUAN CHỦ TRÌ

(Ký tên, đóng dấu)

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

(Ký tên)

Hoàng Minh Tuấn

Trần Quang Hùng